

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ - ST

Ngày 15/8/2019.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Việt;
2/ Bà Ngô Thị Kim Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15/8/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2019/TLST – HNGĐ, ngày 06 tháng 3 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 31/7/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T

Địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi

- Bị đơn: Chị Phạm Thị Bích U

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi

(Chị U có mặt tại phiên tòa, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2019 và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị Phạm Thị Bích U có tình yêu thương và kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Sau khi kết hôn được 01 năm vợ chồng anh hay cãi vã vì công việc của anh chạy xe đường dài ít ở nhà, giữa mẹ và vợ anh có lời qua tiếng lại nên anh T đưa vợ con ra sống riêng và vợ chồng anh có thêm đứa con thứ 2. Anh T nghĩ vợ chồng sẽ sống hạnh phúc nhưng sau khi sinh con chị U ôm con về nhà cha mẹ đẻ ở Đ sống không chịu về chung sống cùng anh. Từ đó, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, anh có khuyên bảo chị U nhiều lần về chung sống nhưng chị U không về nên anh chị đã không sống

chung với nhau từ tháng 4/2018. Nay, anh không thể duy trì mối quan hệ hôn nhân này nữa, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị U.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung tên Nguyễn Trần Hoài Â, sinh ngày 05/9/2012 và Nguyễn Ngọc Thái H, sinh ngày 05/4/2016. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con Nguyễn Trần Hoài Â, chị U nuôi con Nguyễn Ngọc Thái H, không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và nợ chung: Điều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Phạm Thị Bích U trình bày:

Chị và anh T kết hôn vào năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Khi chị về sống chung với gia đình chồng, chị phát hiện anh T bài bạc, chị nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh không nghe nên giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, năm 2015 chị mang thai đứa con thứ hai, chị ở nhà buôn bán còn anh T chạy xe đường dài, ít có mặt ở nhà, khi chị sinh con được ba tháng thì chị phát hiện chồng chị có mối quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, anh T không về nhà, mặc dù chị mới sinh con được bốn tháng nhưng anh T bỏ mặc không chăm sóc, lo lắng gì cho ba mẹ con chị nên chị đã ôm con về bên nhà cha mẹ đẻ của chị tại thôn An L, xã Đ sống để có người phụ giúp chị chăm lo cho con. Nay, anh T yêu cầu ly hôn chị, chị đồng ý.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung Nguyễn Trần Hoài Â, sinh ngày 05/9/2012 và Nguyễn Ngọc Thái H, sinh ngày 05/4/2016, hiện các con đang ở với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Điều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử cho anh T được ly hôn chị U; giao 02 con chung Nguyễn Trần Hoài Â, sinh ngày 05/9/2012 và Nguyễn Ngọc Thái H, sinh ngày 05/4/2016 cho chị Phạm Thị Bích U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không cấp dưỡng cho con; về tài sản chung, nợ chung: Không có. Ngoài ra, đương sự còn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Đương sự trong vụ án là anh Nguyễn Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị Bích U tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị U là hợp pháp.

Anh T và chị U đều thừa nhận sau khi cưới anh chị sống với nhau được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T là tài xế chạy xe đường dài, thường xuyên vắng nhà, không có trách nhiệm với gia đình, chăm lo cho vợ con, thực tế anh chị đã không sống chung với nhau từ tháng 4/2018 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc cho anh chị, tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã trở nên trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh T yêu cầu ly hôn, chị U đồng ý, Do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh T là có căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh T và chị U có 02 con chung Nguyễn Trần Hoài Â, sinh ngày 05/9/2012 và Nguyễn Ngọc Thái H, sinh ngày 05/4/2016, các con đang ở với chị U. Khi ly hôn anh T yêu cầu được nuôi con Nguyễn Trần Hoài Â, giao cho chị U nuôi con Nguyễn Ngọc Thái H và không bên nào phải cấp dưỡng cho con; chị U yêu cầu được nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

HĐXX xét thấy, nguyện vọng được nuôi con của anh T và chị U là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên, để giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét trên sự phát triển về mọi mặt của các con. Chị U hiện có việc làm, có thu nhập ổn định, từ ngày anh chị không sống chung với nhau, chị một mình nuôi 02 con, các cháu đang sống, học tập và phát triển rất tốt, điều này phù hợp với Biên bản xác minh ngày 07/6/2019 giữa Tòa án với chính quyền địa phương xã Đ, trong khi đó anh T thừa nhận: Anh là tài xế chạy xe đường dài, một chuyến xe hơn tháng anh mới về nhà một lần, mỗi lần về được một ngày rồi lại đi tiếp, điều này cũng phù hợp với Biên bản xác minh ngày 28/5/2019 giữa Tòa án với chính quyền địa phương xã Đ, anh T yêu cầu được nuôi con nhưng anh không chứng minh khả năng tài chính cũng như điều kiện chăm sóc con, hơn thế nữa từ ngày chị U đưa các con về nhà cha mẹ để ở đến nay, anh T không quan tâm gì đến con cả về tinh thần lẫn vật chất, nếu giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng thì không đảm bảo. Vì vậy, nguyện vọng xin nuôi cả 02 con của chị U là có căn cứ theo quy định tại Khoản 2, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị U không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

[2.4] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự Điều 6, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, anh T phải chịu 300.000đ.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, 227, 228, 235, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T. Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Phạm Thị Bích U.

2. Về con chung: Giao 02 con Nguyễn Trần Hoài Â, sinh ngày 05/9/2012 và Nguyễn Ngọc Thái H, sinh ngày 05/4/2016 cho chị U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con (Â, H) đủ 18 tuổi. Anh T không cấp dưỡng cho con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2016/0003852 ngày 06/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Quảng Ngãi nên được khấu trừ xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/8/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Vân

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh Sơn Đặng Văn Minh

Nguyễn Thị Bích Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

